TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày 15 - 9 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phương Nhân.

2. Ông Lê Huỳnh Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2025/TLST-DS ngày 6 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-DS, ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S.

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Du, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An).

Đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL N, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Lê Hoàn T (theo Giấy ủy quyền số 236/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023), (có mặt).

Địa chỉ: 273 N, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường P, tỉnh Khánh Hòa (cũ là khu phố 1X, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận), (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 10/12/2024; và có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 13/7/2023, mã số chi nhánh 2901807716-394. Công ty hoạt động nhiều lĩnh vực, trong đó có cầm cố tài sản.

Ngày 05/11/2024, Công ty cổ phần S – Chi nhánh Ninh Thuận – TP. Phan Rang 3 với bà Nguyễn Thị Kiều T có ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng: 6UM241102005NA24X, loại hợp đồng cầm xe mượn lại xe, phụ lục hợp đồng cầm cố và Phiếu đăng ký cầm cố xe máy như sau:

bà T cầm cố tài sản là xe máy hiệu HONDA, số loại VISION biển số 85AA-122.82, số khung RLHJK0346RZ108693, số máy JK03E5543906, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 004016 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà T ngày 22/5/2024 để nhận số tiền là 30.191.224 đồng.

Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

Thời hạn cầm cố 18 tháng, với mức lãi suất cố định 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Thanh toán định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn) là 1.943.688 đồng vào ngày 05 hàng tháng từ tháng 12/2024 đến tháng 05/2026.

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Phí quản lý hồ sơ cố định: 0,5%/ tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền.

Phí tổ chức kiểm tra giá trị tài sản ban đầu: 1.811.473 đồng (thu 01 lần tại thời điểm giao kết hợp đồng, công ty đã nhận số tiền trên).

Phí đăng ký và xóa giao dịch bảo đảm: 150.000 đồng (thu 01 lần tại thời điểm giao kết hợp đồng, công ty đã nhận số tiền trên).

Phí trả nợ trước hạn: 7% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn (thu khi khách hàng có nguyện vọng muốn trả nợ trước hạn).

Phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ với mức phí: 8% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn.

Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm. Trong trường hợp nghĩa vụ vi phạm là nghĩa vụ thanh toán đúng hạn là khách hàng sẽ thanh toán giá trị phạt vi phạm bằng 8% tổng số tiền gốc theo kỳ mà khách hàng chưa

thanh toán tại thời điểm áp dụng quy định phạt vi phạm này.

Công ty S nhận tài sản bảo đảm là xe máy hiệu HONDA, số loại VISION biển số 85AA-122.82 của bà T đã tiến hành đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng, số đăng ký 1547218812.

Ngày 05/11/2024, bà T đã có văn bản ủy quyền cho Chi nhánh Ninh Thuận – TP. Phan Rang 3 - Công ty cổ phần S được thực hiện các nội dung ủy quyền trong đó có nội dung: Chi nhánh Ninh Thuận – TP. Phan Rang 3 - Công ty cổ phần S được thay mặt bà T quản lý, sử dụng và định đoạt (cho thuê, cho mượn…) tài sản bảo đảm. Và cùng ngày Chi nhánh Ninh Thuận – TP. Phan Rang 3 - Công ty cổ phần S đã ký giấy thỏa thuận thuê tài sản cho bà T thuê lại đối với xe máy hiệu HONDA, số loại VISION biển số 85AA-122.82 là tài sản mà bà T đã cầm cố theo Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng: 6UM241102005NA24X ngày 05/11/2024. Thời hạn thuê xe từ ngày 05/11/2024 đến 05/5/2026. Giá thuê là 1.630.326 đồng/tháng. Trường hợp thanh toán trước hạn (trước không quá 10 ngày), đúng hạn hoặc trễ hạn không quá 5 ngày (kể từ ngày phải thanh toán) thì chi phí thuê tài sản sẽ được giảm còn 754.780 đồng/tháng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên bà T đã thanh toán được 1 kì tổng số tiền bao gồm gốc, lãi, phí trễ hạn và phí thuê tài sản là 2.000.000 đồng cụ thể như sau: tiền gốc là 1.460.629 đồng, lãi suất 332.103 đồng, phí quản lý hồ sơ là 150.956 đồng, lãi quá hạn 56.312 đồng. Sau đó, bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S mặc dù được nhắc nhở nhiều lần. Do bà T thực hiện không đúng nghĩa vụ cam kết nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 85AA-122.82, loại xe: Honda VISION theo hợp đồng cầm cố, kèm giấy thỏa thuận thuê xe đã ký với Công ty S số 6UM241102005NA24X ngày 05/11/2024. Trường hợp bà T không trả lại xe cầm cố buộc bà T thanh toán số tiền gốc, lãi và phí là 45.874.000 đồng tính đến ngày 12/5/2025 cho Công ty và còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp hòa giải, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hoàn T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Công ty S không yêu cầu bà T phải trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 85AA-122.82, hiệu Honda loại xe VISION là tài sản bảo đảm cầm cố mà phía bị đơn đã thuê lại của Công ty cổ phần S. Không yêu cầu bà T phải trả các khoản phí phát sinh chưa thanh toán theo hợp đồng đã ký kết là Hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng cầm cố, giấy thỏa thuận thuê tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T phải thanh toán số tiền tính đến ngày 15/9/2025 là 32.964.254 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 28.730.595 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.964.579 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.273.080 đồng. Kể từ ngày tiếp theo bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Sau khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S sẽ trả lại bà T bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 004016 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều T và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty S thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Không yêu cầu bị đơn trả lại tài sản cầm cố là xe máy hiệu HONDA, số loại VISION biển số 85AA-122.82 đã thuê và các khoản phí phát sinh chưa thanh toán theo Hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng cầm cố, giấy thỏa thuận thuê tài sản; buộc bà Nguyễn Thị Kiều T phải trả số tiền chưa thanh toán gồm tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi căn cứ theo quy định tại Điều 244 của BLTTDS.

[1.2] Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Công ty S khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền vay đã nhận khi cầm cố tài sản và trả lại xe đã thuê. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn cư trú tại phường P, tỉnh Khánh Hòa, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng: 6UM241102005NA24X (mục đích cầm cố tài sản: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh), phụ lục hợp đồng cầm cố, Phiếu đăng ký cầm cố xe máy (để vay vốn theo hình thức cầm cố tài sản), Giấy ủy quyền, Giấy thỏa thuận thuê tài sản, văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm số đăng ký 1547218812, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 05/11/2024, giữa Công ty S và bà Nguyễn Thị Kiều T có thỏa thuận và ký kết hợp đồng về việc vay vốn theo hình thức cầm cố tài sản là xe máy hiệu HONDA, số loại VISION biển số 85AA-122.82, để vay số tiền là 30.191.224 đồng (bút lục số 14, 15, 16, 17, 18), Công ty S đã giao tiền và bà T đã nhận đủ số tiền trên (phiếu chi ngày 05/11/2024). Hợp đồng cầm cố giữa Công ty S và bà T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên xác định Hợp đồng hợp pháp là cơ sở giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện các hợp đồng, bà T đã thanh toán cho Công ty S được 1 kì, tổng số tiền là 2.000.000 đồng cụ thể như sau: tiền gốc là 1.460.629 đồng, lãi suất 332.103 đồng, phí quản lý hồ sơ là 150.956 đồng, lãi quá hạn 56.312 đồng. Sau đó bà T không thanh toán khoản tiền nào cho Công ty S. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù được Công ty S nhắc nhở nhiều lần, vi phạm Hợp đồng đã ký bà T là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 15/9/2025, bà T còn nợ Công ty S số tiền là 32.964.254 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 28.730.595 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.964.579 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.273.080 đồng. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận, bà T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty S các khoản tiền trên.

[2.3] Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với tài sản cầm cố là xe máy hiệu HONDA, số loại VISION biển số 85AA-122.82 và các khoản phí chưa thanh toán mà Công ty S và bà T đã ký tại Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng cầm cố, Giấy thỏa thuận thuê tài sản do Công ty S không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận ý kiến của Công ty S về việc sau khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S sẽ trả lại cho bà T bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe

gắn máy số 85 004016 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà T và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty S xuất trình nên có cơ sở khẳng định bà T đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 309, 310, 311, 313, 316, 357, 463, 466, 468, 470, 494, 496, 497 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền tính đến ngày 15/9/2025 là 32.964.254 đồng (ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 28.730.595 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.964.579 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.273.080 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/9/2025) bà Nguyễn Thị Kiều T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất Công ty cổ phần S và bà T thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngay sau khi bà Nguyễn Thị Kiều T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S có nghĩa vụ giao trả cho bà T bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 004016 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều T ngày 22/05/2024 và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 1.648.213 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm mười ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần S số tiền 1.147.000 đồng (một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001346 ngày 03/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2025). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệu